

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **167/2026/HC-PT**

Ngày: 26/5/2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại về quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán:

ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng
tham gia phiên tòa:** ông **Đình Văn Chánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 273/2025/TLPT-HC ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 907/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1930; địa chỉ cư trú: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn P, xã P, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng T, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: 2 đường T, khu phố D, phường P, thành phố P- T, tỉnh Ninh Thuận (nay là 288/16 đường T, khu phố D, phường P, tỉnh Khánh Hòa); có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch UBND xã P, huyện N, tỉnh Khánh Hòa là Chủ tịch UBND xã P, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N là Chủ tịch UBND xã P, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1966; vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Hạnh P1, sinh năm 1968; vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1970 (*chết ngày 25/02/2025*).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông S:

- Bà Nguyễn Thị Kim H1 (vợ ông S)
- Anh Nguyễn Văn N (con ông S)
- Anh Nguyễn Tú H2 (con ông S)
- Anh Nguyễn Tuấn Hoàng A (con ông S)
- Anh Nguyễn Văn P2 (con ông S)
- Anh Nguyễn Trí H3 (con ông S)

Đều vắng mặt

3.4. Ông Nguyễn Đình T1

3.5. Ông Nguyễn Thanh K

3.6. Ông Nguyễn Thanh H4

3.7. Bà Lê Thị Huyền Q

3.8. Bà Nguyễn Thị Đăng A

Cùng địa chỉ: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn P, xã P, tỉnh Khánh Hòa); ông K có mặt.

3.9. Ông Đinh Văn A1; địa chỉ cư trú: thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn B, xã P, tỉnh Khánh Hòa); địa chỉ liên lạc: Khu phố D, phường M, thành phố P- T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Khu phố D, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa); vắng mặt.

3.10. Công ty cổ phần C; địa chỉ: thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn L, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa); vắng mặt người đại diện.

3.11. Ủy ban nhân dân tỉnh N (nay là tỉnh Khánh Hòa); vắng mặt người đại diện.

* Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện trình bày:

Sau ngày giải phóng, làng P, xã P hợp đồng trồng thuốc lá bán cho Công ty T4. Đến năm 1992 Công ty giải thể, ông H cùng một số người dân đến địa danh

Dinh Ông thuộc thôn B, xã P (thời ấy gọi là eo đầu bò, cuối sườn núi H, T cách làng kinh tế thôn B, xã P khoảng 2km) khai hoang đất đai bỏ hoang. Ông H nuôi bò, dê, cừu, đào ao trữ nước cho gia súc uống, đồng thời tưới cây lâu năm trồng ven đường đi để lấy bóng mát cho gia súc, người dân phân ranh giới bằng cây gai làm hàng rào cho từng thửa đất của mỗi hộ gia đình. Trong những năm ấy người dân sống bằng nghề chăn nuôi gia súc trên các thửa đất tại thôn B, xã P.

Năm 1998, nơi đây bị nắng hạn những hộ dân xã P, ông H cùng một số hộ dân gửi đơn đến cơ quan chính quyền tỉnh Ninh Thuận cho các hộ được đắp bờ nước và lãnh rừng, được UBND xã P xác nhận và ông H còn lưu giữ lại văn bản này.

Để bảo vệ quyền sử dụng đất, gia đình ông làm một cái chòi bằng đất, lợp tôn, dùng cây gai làm ranh rào để thú rừng muốn vào bắt gia súc cũng khó khăn. Đến tháng 11/2003 nơi đây mưa lớn gây bão lụt cho toàn tỉnh, chòi trú tạm ranh rào của hộ gia đình ông bị nước trên núi đổ xuống cuốn trôi. Sau cơn bão lụt năm 2003 hộ gia đình ông dựng lại chòi nghỉ tạm trên thửa đất này bằng tạp lô, xây xi măng, lợp tôn sử dụng cho đến nay. Hiện nay những tài sản gắn liền với đất vẫn còn lưu giữ.

Riêng hộ gia đình ông gồm vợ chồng và 08 người con (Nguyễn Tấn P, Nguyễn Hạnh P1, Nguyễn Thanh S (chết ngày 25/02/2025), Nguyễn Đình T1, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Thanh H4, Nguyễn Hữu B (chết năm 2023) và Nguyễn Thị Đăng A luôn thay nhau bám đất, chăn nuôi, vét ao lưu trữ, trồng trọt để sinh sống. Năm 1998, các con của ông H lập gia đình, ông phân chia cho các con mỗi người đều có con bò, dê và các con tiếp tục bám đất chăn nuôi sinh sống, riêng Nguyễn Hữu B ông giao cho B hơn 50 con bò và một đàn gồm dê, cừu cùng 24 ha đất (bây giờ ngành địa chính gọi là đất dự phòng phát triển lâm nghiệp thuộc tiểu khu A). Ngày 22/11/2002, xã P mới được thành lập theo Nghị định 97/2002/NĐ-CP (từ đó thửa đất ông H sử dụng thuộc địa bàn thôn B, xã P; còn gia đình ông H vẫn sinh sống tại thôn P, xã P).

Năm 2018, Nguyễn Hữu B chung sống với Lê Thị Huyền Q tiếp tục cải tạo đất, mở rộng thêm ao. Đến mùa khô thường xảy ra cháy rừng nên vợ chồng B mua trụ bê tông và lưới B40 về ranh rào ranh giới đất, mục đích bỏ hết cây khô đã làm ranh rào trước đây để phòng chống cháy rừng.

Thửa đất ông B đang sử dụng bỗng dưng ngày 22/7/2022 UBND xã P cho người tháo dỡ chòi, chuồng trại chăn nuôi và trụ rào bảo vệ ranh giới đất, làm thất thoát gia súc gia đình ông đang chăn nuôi. Cùng ngày, ông B gửi đơn khiếu nại, tố cáo đến các cơ quan chức năng để được giải quyết nhưng chưa được giải quyết đến nơi đến chốn. Đây là động thái cấp trên bao che cho cấp dưới muốn chiếm đoạt quyền sử dụng đất của công dân. Ngày 17/01/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 66/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Hữu B với nội dung: Chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn với diện tích vi phạm 5.226m² tại thôn B, xã P, huyện N là vô lý. Từ đó mới xảy ra ngày 14/02/2023 Nguyễn Hữu B dùng xăng để tự tử trên thửa đất Ban đang sử dụng. Sau đó Ban chết ngày 01/3/2023.

Căn cứ theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND xã P về việc thành lập tổ bảo vệ thi công dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn B xã P. Tức là UBND xã P đã bán đất khoáng sản họ đã được UBND huyện N thu hồi sổ đỏ của ông Đinh Văn A1 nhưng khi giao đất khoáng sản cho Công ty C – V thì UBND xã P giao đất của ông. Trong những số cán bộ trong cuộc họp nói rằng: UBND xã P bán đất khoáng sản cho Công ty C với số tiền 1.800.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Vấn đề này ông yêu cầu Tòa án buộc UBND xã P cung cấp hóa đơn hoặc biên lai bán đất khoáng sản cho Công ty C – V.

Ngày 11/4/2023, ông H gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện N để khiếu nại về việc UBND xã P đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông. Ngày 28/4/2023, UBND huyện N ban hành văn bản số 1891/UBND-NC yêu cầu UBND xã P giải quyết dứt điểm.

Từ ngày có Văn bản của huyện chuyển cho UBND xã P, UBND xã P chưa mời ông làm việc ngày nào đã ban hành Văn bản số 59/UBND-NC ngày 19/5/2023 vẫn cho là đơn khiếu nại của ông đòi đất là không có cơ sở, là vi phạm pháp luật. Trong văn bản UBND xã P đưa tên ông Đinh Văn A1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn A1 không phải là thửa đất của gia đình ông đang sử dụng.

Ngày 09/8/2023, ông H tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh N và Chủ tịch UBND huyện N khiếu nại về việc UBND huyện N thu hồi đất của hộ gia đình ông để giao cho Công ty Cổ phần C – V, nhưng UBND huyện N ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 về việc thu hồi đất của ông Đinh Văn A1 đã được nhà nước giao đất để khoanh nuôi tái sinh rừng và làm đồng cỏ chăn nuôi gia súc tại thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nhưng thực tế thửa đất của ông Đinh Văn A1 được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2019 mã số phát hành CQ 139258 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 01375, diện tích 6.9706 ha là cạnh bên thửa đất của gia đình, thửa đất của ông Đinh Văn A1 bị thu hồi không nằm trong thửa đất gia đình đang sử dụng. Đơn khiếu nại của ông ghi ngày 09/8/2023 kể trên, ông chờ đến ngày 24/10/2023 không thấy cơ quan chức năng nào trả lời giải quyết đơn nên gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh N và Chủ tịch UBND huyện N khiếu nại về việc: “Chủ tịch UBND huyện N đã vi phạm hành vi hành chính không giải quyết đơn khiếu nại của tôi” lúc này UBND huyện N mới chịu ban hành Văn bản số 4769/UBND – NC ngày 31/10/2023 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông, UBND huyện N dựa trên Văn bản số 95/UBND-NC ngày 30/8/2023 của UBND xã P để trả lời.

Căn cứ thực địa, tài sản gắn liền với đất trên thửa đất của gia đình của ông H đang sử dụng từ trước đến nay là ao chứa nước để nuôi gia súc, gia cầm, chuồng bò, chuồng dê vẫn còn gắn liền với đất. Căn cứ Nghị Quyết 775/2015/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Căn cứ Nghị định 127/2005/NĐ-CP ngày 10/10/2005 của Chính Phủ; Căn cứ Điều 36 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Căn cứ Đơn xin đắp bờ chắn nước và xin lãnh rừng năm 1998 là căn cứ thời điểm sử dụng đất của các hộ gia

định ông H theo Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính Phủ.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 4769/UBND-NC ngày 31/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

- Hủy Văn bản số 95/UBND-NC ngày 30/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện N.

- Hủy Văn bản số 59/UBND-NC ngày 19/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện N.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã P trả tiền bồi thường việc Ủy ban nhân dân xã tự ý giao đất của hộ gia đình ông cho Công ty Cổ phần C mức lấy đất làm công trình với số tiền 1 tỷ đồng.

Tại Biên bản đối thoại ngày 13/8/2024 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu H thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Hủy Văn bản số 4769/UBND-NC ngày 31/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

- Hủy Văn bản số 95/UBND-NC ngày 30/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện N.

- Hủy Văn bản số 59/UBND-NC ngày 19/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện N.

- Buộc Công ty Cổ phần C bồi thường việc mức lấy đất làm công trình với số tiền 1 tỷ đồng.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND xã P trình bày:

Căn cứ Khoản 2 Điều 8 Luật Đất đai năm 2013, quy định người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với đất được giao để quản lý, cụ thể: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đối với việc quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng được giao để quản lý, đất chưa giao, đất chưa cho thuê tại địa phương.

Căn cứ điểm a, Khoản 1, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh N, về việc thu hồi đất do UBND xã P quản lý để thực hiện dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã P, huyện N;

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh N, về việc cho Công ty Cổ phần C thuê đất (đợt 1) để thực hiện dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã P, huyện N;

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính do UBND xã P quản lý thì ông Nguyễn Hữu H không có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, không được quy chủ thửa đất và không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 30.577,8m² đất được thu hồi nằm trong diện tích 30,0650

ha thuộc lô số 01 tiểu khu A bản đồ hiện trạng rừng xã P, huyện N có nguồn gốc do UBND huyện N giao cho hộ ông Đinh Văn A1 tại Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 23/8/2002 để khoanh nuôi tái sinh rừng và làm đồng cỏ chăn nuôi gia súc.

Cụ thể: đối với phần diện tích đất 30.577,8 m² (3,0577 ha) thực hiện dự án theo Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh N nằm trong diện tích 30,0650 ha thuộc lô số 01, Tiểu khu A, bản đồ hiện trạng rừng xã P, huyện N (nay là xã P, huyện N) có nguồn gốc do UBND huyện N giao cho hộ ông Đinh Văn A1 tại Quyết định số 602/QĐ ngày 23/8/2002 để khoanh nuôi tái sinh rừng và làm đồng cỏ chăn nuôi gia súc và được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành phối giấy số CQ 139158, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 01375, cấp ngày 29/3/2019, diện tích 6,9706ha.

Ngày 12/01/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 52/QĐ UBND, về việc thu hồi đất của hộ ông Đinh Văn A1 đã được Nhà nước giao đất để khoanh nuôi tái sinh rừng và làm đồng cỏ chăn nuôi gia súc tại thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận để giao lại cho UBND xã P quản lý với diện tích 23, 0944 ha. Lý do thu hồi: Qua kiểm tra thực tế thì chỉ có 6,9706 ha đất là hộ ông Đinh Văn A1 sử dụng hiệu quả và đúng mục đích sử dụng đất theo Quyết định số 602/QĐ ngày 23/8/2002 và căn cứ Quyết định số 350/QĐ UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh N, về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện N thì một phần diện tích đất được quy hoạch cho hoạt động khoáng sản, cụ thể là quy hoạch mỏ vật liệu đất san lấp để thực hiện khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công đường cao tốc B1; do đó, không đủ điều kiện để xem xét, gia hạn cho hộ ông Đinh Văn A1 theo quy định tại điểm đ, điểm h, Khoản 1, Điều 64 và điểm d, Khoản 1, Điều 65 của Luật Đất đai năm 2013.

Như vậy, phần diện tích 30.557,8m² nằm trong diện tích 23,0944 ha đất được UBND huyện thu hồi đất của hộ ông Đinh Văn A1 tại Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 và giao cho UBND xã P quản lý và được UBND tỉnh N cho Công ty Cổ phần C thuê đất để thực hiện dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh N. Việc giao đất, cho thuê đất thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; UBND xã P không giao đất cho Công ty Cổ phần C để thực hiện dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp.

Đối với yêu cầu của Người khởi kiện về hủy văn bản số 59/UBND-NC ngày 19/5/2023 và văn bản số 95/UBND NC ngày 30/8/2023 của Chủ tịch UBND xã P:

Thực hiện Công văn số 1891/UBND-NC ngày 28/4/2023 của UBND huyện N, về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Hữu H; qua xem xét nội dung đơn, ngày 19/5/2023, UBND xã P ban hành Công văn số 59/UBND- NC, về việc thông tin việc giải quyết đơn phản ánh của ông Nguyễn Hữu H.

Thực hiện Công văn số 3476/UBND-NC ngày 11/8/2023 của UBND huyện N, về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Hữu H; qua xem xét nội dung đơn,

ngày 30/8/2023, UBND xã P ban hành Công văn số 95/UBND- NC, về việc thông tin việc giải quyết đơn phản ánh của ông Nguyễn Hữu H.

Qua kiểm tra rà soát nội dung 02 văn bản nêu trên, UBND xã P có ý kiến như sau:

- Về thời hạn giải quyết đơn: UBND xã ban hành Công văn thông tin giải quyết đơn đúng thời hạn theo chỉ đạo của UBND huyện N

- Về hình thức: Ban hành bằng văn bản đúng quy định pháp luật.

- Về thể thức: Đúng theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Về thẩm quyền ban hành văn bản: Đúng theo thẩm quyền quy định.

- Về nội dung văn bản: Áp dụng các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh và các Quyết định, Thông báo của Chủ tịch UBND huyện để trả lời đơn phản ánh của ông Nguyễn Hữu H, cụ thể:

- + Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 và Quyết định số 658/QĐ UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N.

- + Quyết định số 602/QĐ ngày 23/8/2002 của Chủ tịch UBND huyện N, về việc giao đất cho hộ ông Đinh Văn A1 để khoanh nuôi tái sinh rừng và làm đồng cỏ chăn nuôi gia súc.

- + Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện N.

- + Thông báo số 430/TB-UBND ngày 25/11/2022 và Thông báo số 461/TB UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện, về việc không thụ lý giải quyết tố cáo.

- + Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện N, xử phạt vi phạm hành chính.

Như vậy, ông Nguyễn Hữu H yêu cầu Toà án huỷ 02 Công văn số 59/UBND-NC ngày 19/5/2023 và Công văn số 95/UBND-NC ngày 30/8/2023 của UBND xã P là không có cơ sở.

Nay, Ủy ban Nhân dân xã P báo cáo theo nội dung của người khởi kiện nêu trên để Toà án Nhân dân tỉnh Ninh Thuận biết và xét xử vụ việc theo quy định pháp luật (kèm theo phụ lục các văn bản của tỉnh và của huyện).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện N- bà Bạch Thị Như T2 - trình bày:

UBND huyện N đã ban hành Văn bản 4769/UBND - NC ngày 31/10/2023 có nội dung như sau:

Ngày 26/10/2023, UBND huyện N tiếp nhận đơn của ông Nguyễn Hữu H có nội dung: *“khiếu nại cơ quan nhà nước đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông; UBND xã P chưa giải quyết nội dung đơn của ông theo chỉ đạo của UBND huyện tại Công văn số 3476/UBND- NC ngày 11/8/2023”*.

Qua xem xét nội dung đơn, ngày 30/8/2023, UBND xã P có Công văn số 95/UBND- NC về việc thông tin giải quyết đơn của ông H. Theo đó, ông H khiếu nại UBND huyện N thu hồi đất của hộ gia đình ông để giao cho Công ty cổ phần C thuê đất phải có quyết định thu hồi đất đối với ông là không có cơ sở. Đồng thời, UBND xã P thông tin việc giải quyết đơn phản ánh của ông H tại Công văn số 59/UBND- NC ngày 19/5/2023 có nội dung: diện tích 30.577,8 m² đất được UBND huyện N thu hồi của hộ ông Đinh Văn A1 và giao lại cho UBND xã P quản lý, đã được UBND tỉnh N cho Công ty cổ phần C thuê đất để thực hiện dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp là hoàn toàn đúng sự thật.

UBND huyện N thống nhất với ý kiến trình bày của UBND xã P tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên ý kiến theo Văn bản 4769/UBND - NC ngày 31/10/2023, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Thanh K trình bày:

UBND xã có giao cho gia đình ông 2.500 cây điều do thời tiết khô hạn nên không trồng được, sau đó giao cho gia đình ông 2.500 cây nem trồng vào khoảng năm 1999, tiếp đến gia đình ông phá bớt để trồng hoa màu. Hiện nay cây nem trên đất là do gia đình ông trồng, ranh giới được xác định bằng cây xương rồng. Diện tích nhà nước thu hồi 3,5ha, diện tích còn lại khoảng 21ha hiện nay gia đình ông vẫn đang quản lý và có rào. Ông không nhận được quyết định thu hồi đất nào trên thửa đất của gia đình.

Trong diện tích đất 30ha do UBND huyện N cấp cho ông Đinh Văn A1 có 23,0944 ha thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông. Gia đình ông thực tế sử dụng từ năm 1991 đến nay và hiện nay phần đất 23,0944 ha do UBND xã P đang quản lý. Ông Nguyễn Hữu H có tên trong Sổ mục kê đo năm 2013, ông H đã kê khai tại thôn. Thửa đất của ông Đinh Văn A1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng không liên quan đến thửa đất của ông H.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Hạnh P1, ông Nguyễn Đình T1 - đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H.

+ Ông Đinh Văn A1 trình bày: ông được giao đất theo Quyết định 602 ngày 23/8/2002 là 30,0650 ha và được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số CQ139158 sổ vào sổ CH01375 cấp ngày 29/3/2019 diện tích 6.970,6 ha. UBND huyện thu hồi một phần diện tích của ông là 23,0944 ha theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2023, trên thực tế hiện nay ông chỉ quản lý 6,970,6 ha theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2021, ông Nguyễn Hữu B là con của ông Nguyễn Hữu H tranh chấp đất với ông tại phần diện tích hiện nay đã thu hồi và UBND xã P có giải quyết theo Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất tranh chấp ngày 20/10/2021. Ông xin cung cấp bản sao bản đồ trích đo khu đất khoanh nuôi tái sinh rừng nông lâm kết hợp của ông Đinh Văn A1 do phòng nông nghiệp địa chính huyện N lập ngày 14/6/2002 và Sơ đồ vị trí lô đất khai hoang để trồng rừng phòng hộ của hộ ông Đinh Văn A1 ngày 26/01/2001 do Chủ tịch UBND xã P ký.

Hiện, ông không tranh chấp đất với ông Nguyễn Hữu H. Khi ông được nhà nước giao đất vào năm 2001 trên đất chỉ có cây rừng, muốn trồng trọt phải khai hoang và thực tế ông đã khai hoang 6,9706 ha, còn lại là cây rừng ông chưa khai hoang được.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2025/HC-ST ngày 24/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa) quyết định:

Căn cứ các Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính, Luật Đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T5 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 4769/UBND-NC ngày 31/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

- Hủy Văn bản số 95/UBND-NC ngày 30/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện N.

- Hủy Văn bản số 59/UBND-NC ngày 19/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện N.

- Buộc Công ty Cổ phần C bồi thường việc mức lấy đất làm công trình với số tiền 1 tỷ đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/6/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 25/6/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính, do đó, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H, Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

[2.1]. Về tố tụng:

Tại Quyết định số 602/QĐ ngày 23/8/2002, UBND huyện N giao cho hộ ông Đinh Văn A1 diện tích 30,0650 ha thuộc lô số 01 tiểu khu A bản đồ hiện trạng rừng xã P, huyện N để khoanh nuôi tái sinh rừng và làm đồng cỏ chăn nuôi gia súc. Thực tế sử dụng đất, ông A1 được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành phôi giấy số CQ 139158, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 01375, cấp ngày 29/3/2019 với diện tích 6,9706 ha.

Ngày 12/01/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 52/QĐ UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Đinh Văn A1 đã được Nhà nước giao đất để khoanh nuôi tái sinh rừng và làm đồng cỏ chăn nuôi gia súc tại thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận để giao lại cho UBND xã P quản lý với diện tích 23, 0944 ha; lý do thu hồi: Qua kiểm tra thực tế thì chỉ có 6,9706 ha đất là hộ ông Đinh Văn A1 sử dụng hiệu quả và đúng mục đích sử dụng đất theo Quyết định số 602/QĐ ngày 23/8/2002 và căn cứ Quyết định số 350/QĐ UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh N, về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện N thì một phần diện tích đất được quy hoạch cho hoạt động khoáng sản, cụ thể là quy hoạch mỏ vật liệu đất san lấp để thực hiện khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công đường cao tốc B1; do đó, không đủ điều kiện để xem xét, gia hạn cho hộ ông Đinh Văn A1 theo quy định tại điểm đ, h khoản 1 Điều 64 và điểm d khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai năm 2013.

Tại Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 05/12/2022, UBND tỉnh N cho Công ty Cổ phần C thuê 30.577,8 m² (3,0577 ha) để thực hiện dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp. Ông H cho rằng phần diện tích đất nhà nước thu hồi 23,0944 ha cũng như phần diện tích đất đã cho Công ty Cổ phần C thuê là diện tích đất gia đình ông đã khai hoang sử dụng từ năm 1991 nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất của gia đình ông nên ông khiếu nại. Ngày 19/5/2023, UBND xã P ban hành Văn bản số 59/UBND-NC về việc thông tin việc giải quyết đơn phản ánh của ông Nguyễn Hữu H; ngày 30/8/2023, UBND xã P ban hành Văn bản số 95/UBND-NC về việc thông tin giải quyết đơn của ông Nguyễn Hữu H; ngày 31/10/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Văn bản số 4769/UBND-NC có nội dung giải quyết khiếu nại của ông H là không có cơ sở và không đúng sự thật (trong đó viện dẫn 02 văn bản 59/UBND-NC và 95/UBND-NC nêu trên). Văn bản số 4769/UBND-NC có nội dung giải quyết khiếu nại là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Ngày 21/11/2023, ông H khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy các Công văn số 4769, 95, 59 nói trên là trong thời hiệu khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Khánh Hòa) thụ lý giải quyết là đúng quy định, đúng thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện trong thời hạn được quy định tại khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Xét căn cứ ban hành các quyết định hành chính bị kiện, thấy rằng:

Trên cơ sở Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hữu H đề ngày 11/4/2023 về việc phản án cán bộ, công chức UBND xã P lợi dụng chức vụ quyền hạn xâm phạm đến quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông, ngày 19/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Văn bản số 59/UBND-NC (Văn bản số 59) về việc thông tin việc giải quyết đơn phản ánh của ông Nguyễn Hữu H. Theo văn bản trên, Chủ tịch UBND xã P xác định nội dung khiếu nại, phản án của ông Nguyễn Hữu H là không có cơ sở.

Trên cơ sở Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hữu H ngày 07/8/2023 do UBND huyện N chuyển đến (chuyển theo Công văn số 3476/UBND-NC ngày 11/8/2023) có nội dung *Khiếu nại* UBND huyện N *thu hồi đất của hộ gia đình ông để giao cho Công ty Cổ phần C thuê đất phải có Quyết định thu hồi đất đối với ông; UBND xã P trả lời đơn khiếu nại của ông cho là thửa đất đang giao cho Công ty Cổ phần C là đất thu hồi của ông Đinh Văn A1 là hoàn toàn sai sự thật*. Ngày 30/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Văn bản số 95/UBND-NC (Văn bản số 95) về việc thông tin giải quyết đơn của ông Nguyễn Hữu H. Theo văn bản trên, Chủ tịch UBND xã P xác định nội dung khiếu nại UBND huyện N thu hồi đất của hộ gia đình ông để giao cho Công ty Cổ phần C thuê đất phải có Quyết định thu hồi đất đối với ông là không có cơ sở. Đồng thời, Văn bản trên cũng xác định Văn bản số 59/UBND-NC ngày 19/5/2023 của UBND xã P thông tin việc giải quyết đơn phản ánh của ông Nguyễn Hữu H với nội dung diện tích 30.577,8m² đất được UBND huyện N thu hồi của hộ ông Đinh Văn A1 và giao lại cho UBND xã P quản lý, đã được UBND tỉnh N cho Công ty Cổ phần C thuê để thực hiện Dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp là hoàn toàn đúng sự thật.

Không đồng ý với các văn bản số 59 và 95 nêu trên, ông Nguyễn Hữu H tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện N với nội dung: *Khiếu nại cơ quan nhà nước đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông; UBND xã P chưa giải quyết nội dung đơn của ông theo chỉ đạo của UBND huyện N tại Công văn số 3476/UBND-NC ngày 11/8/2023*.

Ngày 31/10/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Văn bản số 4769/UBND-NC trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hữu H với nội dung: ông Nguyễn Hữu H khiếu nại UBND huyện N thu hồi đất của hộ gia đình ông để giao cho Công ty Cổ phần C thuê đất phải có Quyết định thu hồi đất đối với ông là không có cơ sở.

[2.2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H, Hội đồng xét xử thấy:

Người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H cho rằng năm 1992, gia đình ông đến khu đất có tục danh Dinh Ô (hay còn gọi là Eo đầu Bò) thuộc thôn B, xã P để chăn nuôi gia súc. Chứng cứ ông H chứng minh việc khai hoang sử dụng đất là *Đơn xin đắp bờ để chắn nước* năm 1998 của tổ hợp gồm khoảng 20 người dân, trong đó có ông Nguyễn Hữu H, mục đích để chắn nước dự trữ cho bò uống vào mùa nắng, đơn này có xác nhận của UBND xã P, nội dung xác nhận: *đồng ý cho tập thể nông dân Phước T3 được ngăn bầu giữ nước chắn nuôi Bò*. Tuy nhiên, *Đơn*

xin đắp bờ đê chắn nước không chứa nội dung xin khai hoang sử dụng đất như ông H trình bày khi giải quyết vụ án.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/7/2024 của Tòa án tỉnh Ninh Thuận thể hiện diện tích khu đất tranh chấp do người khởi kiện chỉ đo có diện tích 182.022m², thuộc Tiểu khu A, tọa lạc tại thôn B, xã P huyện N. Thửa đất có tứ cận: hướng Đông giáp đường bê tông; hướng Tây và hướng Nam giáp đất do UBND xã P quản lý; hướng Bắc giáp suối Mẹ. Vị trí thửa đất trùng với vị trí đất đã được UBND tỉnh N cho Công ty Cổ phần C thuê đợt 1 tại Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 để thực hiện Dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã P, có diện tích 30.577,8m² và một phần diện tích của ông Đinh Văn A1 nhưng đã được UBND huyện N thu hồi theo Quyết định 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2023.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 26/01/2001, ông Đinh Văn A1 có đơn xin khai hoang khu đất khoanh nuôi tái sinh rừng. Ngày 23/8/2002, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 602/QĐ giao đất với diện tích 30,0650ha cho hộ ông Đinh Văn A1 để khoanh nuôi tái sinh rừng và làm đồng cỏ chăn nuôi gia súc, đất thuộc lô số 1, tiểu khu A bản đồ hiện trạng rừng xã P, huyện N, có tứ cận: Đông giáp đất hoang đồi núi; Tây giáp gò đá; Nam, Bắc đất hoang đồi núi với thời hạn 20 năm. Vị trí này có một phần diện tích trùng với ông H tranh chấp.

Do ông Đinh Văn A1 không sử dụng đất hiệu quả nên ngày 12/01/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND thu hồi 23,0944ha đất của ông Đinh Văn A1 và giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Lý do thu hồi đất: không đủ điều kiện để xem xét gia hạn theo quy định tại điểm đ, h khoản 1 Điều 64, điểm d khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai 2013.

Quá trình ông Đinh Văn A1 sử dụng đất thì xảy ra tranh chấp với ông Nguyễn Hữu B (con trai ông H) vào năm 2021. Ngày 20/10/2021, UBND xã P đã có Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất tranh chấp, theo đó thửa đất tranh chấp là gò đá, đồi thấp, xác định tọa độ. Hiện trạng trên đất: là đồi thấp nhiều đá, cây bụi rừng mọc xanh đều, nhiều đá lộ đầu, các loại cây rừng chủ yếu là nhông, táo, bằng lăng, có dấu hiệu mới chặt phát dọn, lấp ranh bằng các loại gai bàn chải và các loại cây bụi, chum bầu. UBND xã đề nghị ông B đình chỉ việc phát dọn cây rừng, giữ nguyên hiện trạng không được tác động đến đất. Ngày 3/11/2022, UBND xã kiểm tra và yêu cầu ông B tháo dỡ chuồng trại chăn nuôi trên đất chiếm nhưng ông B không đồng ý.

Ngày 05/12/2022, UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 657/QĐ-UBND thu hồi diện tích 30.577,8m² đất do Ủy ban nhân dân xã P quản lý; cùng ngày, UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 658/QĐ-UBND cho Công ty Cổ phần C thuê diện tích 30.577,8m² đất để thực hiện Dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã P, huyện N. Quá trình Công ty cổ phần C - V khai thác khoáng sản trên diện tích đất thuê thì bị ông Nguyễn Hữu B ngăn chặn, ông B cho rằng đất này thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu H.

Ngày 20/12/2022, UBND xã P tiến hành kiểm tra khu đất phát hiện ông Nguyễn Hữu B có hành vi chiếm đất chưa sử dụng do UBND xã P quản lý. Theo

Biên bản kiểm tra hiện và Biên bản vi phạm hành chính ngày 20/12/2022, vị trí đất ông B bao chiếm bao gồm:

- Tại khu vực gộp đôi tọa độ $X= 0564053$ $Y= 1288145$ phần diện tích 3.001 m^2 dựng 01 lều trại chăn nuôi gồm: 01 trại tôn diện tích 09 m^2 , dựng hàng rào lưới B40 để quây chăn nuôi với chiều dài 18m, dựng 01 trụ rom, trên đất có nuôi bò, gà, ngỗng và mới trồng 200 cây trôm, một số cây nem và xung quanh khu đất là hàng rào bằng chà cây bụi.

- Tại tọa độ $X= 0504297$ $Y= 01288456$ phần diện tích 2.083 m^2 , ông B trồng 50 cây trôm, 30 cây dừa cao 01m, 40 cây chuối mới trồng rào bằng gai bụi.

- Tại tọa độ $X= 0564024$ $Y = 01288140$ phần diện tích 142 m^2 , ông B có xây dựng chuồng dê diện tích $4 \times 6\text{ m} = 24\text{ m}^2$, chiều cao 04m, mái lợp tôn, xung quanh dùng lưới B40, rào gỗ.

Ông B cho rằng không chiếm đất của Nhà nước, phần đất ông sử dụng là của ông H được UBND xã P ký giấy xác nhận khai hoang năm 1998 nên ông mới dựng lều trại chăn nuôi và trồng cây tại phần diện tích 3001 m^2 , các loại cây trồng trên phần diện tích 2.083 m^2 cũng trồng năm 2017, chuồng dê đã dựng năm 2022, diện tích đất ông B sử dụng là 5.226 m^2 .

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc ông H xác định phần diện tích khai hoang sử dụng là 182.022 m^2 , phần đất thực tế ông B sử dụng là 5.226 m^2 . Tuy nhiên, ông H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh căn cứ xác lập quyền sử dụng đất. Đồng thời, ngày 17/01/2023, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 66/QĐ- XPHC xử phạt hành chính ông Nguyễn Hữu B về hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn với diện tích 5.226 m^2 (theo trích lục sơ đồ thửa đất ngày 20/12/2022) tại thôn B, xã P theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ- CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với số tiền 22.500.000 đồng và buộc ông B khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm. Ông B không thực hiện việc tiếp tục khiếu nại hay khởi kiện đối với quyết định này.

Như vậy, diện tích $30.577,8\text{ m}^2$ đất UBND tỉnh N cho Công ty cổ phần C thuê đất đợt 1 để thực hiện Dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã P tại Quyết định số 657/QĐ- UBND là một phần trong tổng diện tích 23,0944 ha thu hồi đất của ông Đinh Văn A1 theo Quyết định số 52/QĐ- UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh N, nên nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Hữu H về việc UBND huyện N thu hồi đất của hộ gia đình ông để giao cho Công ty cổ phần C thuê đất phải có quyết định thu hồi đất đối với ông là không có cơ sở chấp nhận. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành các Văn bản số 4769/UBND-NC ngày 31/10/2023, Văn bản số 95/UBND-NC ngày 30/8/2023 và Văn bản số 59/UBND-NC ngày 19/5/2023 không chấp nhận khiếu nại của ông H là có cơ sở.

Mặc dù các văn bản nêu trên về hình thức là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nhưng việc ban văn bản là đúng thẩm quyền, nội dung các văn bản giải

quyết đúng các yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Hữu H, phù hợp với các tình tiết sự việc, đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H về hủy Văn bản số 59/UBND-NC ngày 19/5/2023 và Văn bản số 95/UBND-NC ngày 30/8/2023 của Chủ tịch UBND xã P; hủy Văn bản số 4769/UBND-NC ngày 31/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; đồng thời buộc Công ty Cổ phần C - V bồi thường việc mất đất làm công trình với số tiền 1.000.000.000đ là không có cơ sở.

[3]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết có tại hồ sơ vụ án để tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H là có cơ sở, đúng pháp luật. Vì vậy, nội dung kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H không được chấp nhận nên phải chịu nhưng ông H là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: căn cứ Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H được miễn nộp.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm về phần chi phí tố tụng, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT IV - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khánh Hòa;
- THADS Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên

